GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ RỦI RO LÃI SUẤT TẠI NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

Hà Thị Thanh Nga[1], Nguyễn Quế Anh[2]

Tóm tắt

Kết hợp mục tiêu nghiên cứu với việc vận dụng tổng hợp các phương pháp nghiên cứu khoa học, bài viết đã giải quyết được một số nội dung quan trọng như: Hệ thống cơ sở lý luận về rủi ro lãi suất và quản trị rủi ro lãi suất; Làm rõ thực trạng hoạt động quản trị rủi ro lãi suất, từ đó có cơ sở đưa ra những đánh giá và đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện hoạt động quản trị rủi ro lãi suất tại Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam. Kết quả nghiên cứu cho thấy hoạt động quản trị rủi ro lãi suất tại ngân hàng còn một số tồn tại sau: Phương pháp đo lường rủi ro lãi suất còn đơn giản, chưa xác định được mức tổn thất cụ thể; Việc sử dụng các công cụ phái sinh để phòng ngừa rủi ro lãi suất và công tác dự báo lãi suất còn nhiều hạn chế.

Từ khóa: *Khe hở nhạy cảm lãi suất, quản trị rủi ro lãi suất, Vietinbank.*

SOLUTIONS TO IMPROVE INTEREST RATE RISK MANAGEMENT IN THE VIETNAM JOINT STOCK COMMERCIAL BANK FOR INDUSTRY AND TRADE.

Abstract

With proper application of science research methods to reach the research objectives, the paper has addressed some significant issues such as: systemize the basic theories about interest rate risk management, clarify the situation of interest rate risk management, evaluate and suggest some solutions to improve interest rate risk management in the Vietnam Joint Stock Commercial Bank for Industry and Trade. The results show that there are some problems in the interest rate risk management of the bank: measurements are so simple that it is impossible to determine the specific losses, using derivatives to prevent from interest rate risk and forcast the interest rate has some shortcomings.

Key words: *Sensitive interest rate gap, interest rate risk management, Vietinbank.*

JEL classification: G; G21; G24.

1. Giới thiệu

1.1.Tổng quan tài liệu nghiên cứu

Hoạt động quản trị rủi ro lãi suất của Ngân hàng thương mại (NHTM) là nội dung đã được nhiều nhà khoa học trong nước và trên thế giới nghiên cứu.

Timothy W.Koch (2003) nghiên cứu về quản trị ngân hàng đã đưa ra các phương pháp đo lường rủi ro lãi suất thông qua khe hở lãi suất và khe hở kỳ hạn. Tác giả cũng đưa ra các phương pháp phòng ngừa rủi ro lãi suất bằng các công cụ phái sinh như hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng hoán đổi, hợp đồng quyền chọn,…

Peter S.Rose (2004) cho rằng mục tiêu quan trọng trong quản lý rủi ro lãi suất là hạn chế tới mức thấp nhất mọi ảnh hưởng xấu của sự biến động lãi suất đến thu nhập của ngân hàng. Ngân hàng cần duy trì tỷ lệ thu nhập lãi cận biên cố định, quản lý khe hở nhạy cảm lãi suất và quản lý khe hở kỳ hạn.

Joel Bessis (2012) đưa ra khái niệm về rủi ro lãi suất là rủi ro thu nhập lãi thực sẽ giảm. Đối với các khoản đi vay và cho vay đều có thể đối mặt với rủi ro lãi suất khi lãi suất thay đổi. Nhưng theo tác giả, những khoản vay có lãi suất cố định cũng có rủi ro vì người cho vay với lãi suất cố định có thể cho vay với lãi suất cao hơn nếu lãi suất tăng và người đi vay sẽ trả lãi suất thấp hơn nếu lãi suất giảm.

Đỗ Thị Kim Hảo (2005) với đề tài "Giải pháp quản lý rủi ro lãi suất tại Agribank". Tác giả đã phân tích thực trạng rủi ro lãi suất và quản lý rủi ro lãi suất tại Agribank giai đoạn từ năm 1999 đến năm 2003, đánh giá thực trạng rủi ro lãi suất của ngân hàng bằng việc sử dụng mô hình định giá lại để lượng hóa rủi ro. Tác giả cho rằng Agribank nên tập trung vào xây dựng chính sách, sử dụng và lựa

chọn mô hình lượng hóa, sử dụng các công cụ phái sinh để phòng ngừa rủi ro lãi suất.

Nghiên cứu của Tạ Ngọc Sơn (2010) về quản lý rủi ro lãi suất trong hoạt động kinh doanh của NHTM Việt Nam, đây là công trình nghiên cứu khá toàn diện về lý luận cơ bản rủi ro lãi suất và công tác quản lý rủi ro lãi suất trong hoạt động của NHTM. Tác giả đã giới thiệu những kinh nghiệm quản lý rủi ro lãi suất tại một số chi nhánh nước ngoài đang hoạt động tại Việt Nam. Tác giả đề xuất giải pháp quản trị bằng phương pháp giá trị có thể tồn tại-Value (VaR). Các NHTM có thể áp dụng phương pháp này trong tương lai và cần có những điều kiện cụ thể.

1.2.Sự cần thiết của vấn đề nghiên cứu

Tại NHTM cổ phần Công thương Việt Nam (Vietinbank), thu nhập ròng từ lãi chiếm tỷ trọng chủ yếu trong cơ cấu thu nhập của ngân hàng, khi lãi suất trên thị trường biến động sẽ làm ảnh hưởng đến thu nhập từ lãi, giá trị tài sản ròng của ngân hàng. Để phòng ngừa những tác động gây bất lợi do sự biến động của lãi suất, nâng cao hiệu quả điều hành hoạt động kinh doanh của ngân hàng nhằm hướng tới những thông lệ quốc tế, nghiên cứu về rủi ro lãi suất, cũng như việc sử dụng các công cụ quản trị rủi ro lãi suất áp dụng cho Vietinbank là một yêu cầu cần thiết.

1.3. Cơ sở lý luận về rủi ro lãi suất và quản trị rủi ro lãi suất của NHTM

Rủi ro lãi suất là một trong những loại rủi ro mang tính đặc trưng của NHTM. Khi lãi suất thị trường thay đổi thì thu nhập từ cho vay và đầu tư cũng như chi phí của tiền gửi và các nguồn vốn huy động khác đều bị ảnh hưởng. Ngoài ra, lãi suất thay đổi còn ảnh hưởng đến giá trị thị trường của tài sản có và tài sản nợ, giá trị vốn chủ sở hữu của ngân hàng. Do đó, khi lãi suất thay đổi sẽ tác động đến toàn bộ bảng cân đối, báo cáo thu nhập của ngân hàng.

Theo Casu và cộng sự (2015), rủi ro lãi suất là rủi ro xuất phát từ sự không phù hợp giữa kỳ hạn và quy mô của các khoản mục tài sản có-tài sản nợ của định chế tài chính, xảy ra trong quá trình thực hiện chức năng chuyển hóa tài sản.

Rủi ro lãi suất trong kinh doanh ngân hàng là những thiệt hại mà NHTM phải gánh chịu khi có sự thay đổi lãi suất trên thị trường. Ngân hàng duy trì cơ cấu tài sản và nợ với những kỳ hạn không cân xứng với nhau thì phải chịu những rủi ro về lãi trong việc tài trợ tài sản hoặc khi giá trị tài sản thay đổi do lãi suất thị trường biến động.

Theo Nguyễn Văn Tiến (2012), quản trị rủi ro lãi suất trong các NHTM là các biện pháp, các hoạt động tác động tới rủi ro lãi suất, bao gồm việc đo lường, xác định giám sát, kiểm soát các rủi ro lãi suất của các tổ chức ngân hàng nhằm hạn chế đến mức tối đa ảnh hưởng xấu tác động đến thu nhập của ngân hàng khi lãi suất thay đổi.

Thực chất, hoạt động quản trị rủi ro lãi suất là việc dùng các công cụ tài chính để hạn chế hay giảm thiểu tổn thất tài chính do rủi ro lãi suất gây ra. Theo quy trình quản trị thì nội dung quản trị rủi ro lãi suất bao gồm: Nhận biết rủi ro lãi suất, đo lường rủi ro lãi suất và kiểm soát rủi ro lãi suất.

2.Phương pháp nghiên cứu

2.1.Phương pháp thu thập số liệu

Số liệu sử dụng trong bài viết được thu thập từ hai nguồn:

- Thu thập trực tiếp từ Vietinbank, tập trung vào các thông tin phản ánh thực trạng hoạt động quản trị rủi ro lãi suất tại Vietinbank thông qua các báo cáo thường niên, văn bản quy định và kết quả thực hiện, các số liệu từ các phòng ban chức năng của ngân hàng.

- Thu thập từ các tạp chí, bài báo, website của Ngân hàng nhà nước, và các NHTM khác đã công bố liên quan đến hoạt động quản trị rủi ro lãi suất của ngân hàng.

2.2. Phương pháp tổng hợp và xử lý thông tin, dữ liệu

Từ những dữ liệu thứ cấp thu thập được, tác giả sử dụng phương pháp nghiên cứu thống kê, tổng hợp, so sánh, phân tích, kết hợp với sử dụng biểu đồ, hình ảnh để phân tích thực trạng hoạt động quản trị rủi ro lãi suất tại Vietinbank, trên cơ sở đó đánh giá, so sánh, tham chiếu nhằm đưa ra những kết luận về hoạt động quản trị rủi ro lãi suất tại Vietinbank.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1.Thực trạng hoạt động quản trị rủi ro lãi suất tại NHTM cổ phần Công thương Việt Nam

3.1.1.Biến động của lãi suất từ năm 2012 đến 2019

Thực tế hiện nay cho thấy Ngân hàng nhà

nước (NHNN) điều hành thị trường chủ yếu thông qua các lãi suất trong các giao dịch giữa NHNN với các NHTM. Bao gồm: Lãi suất tái chiết khấu, lãi suất tái cấp vốn, lãi suất cho vay qua đêm trong thanh toán điện tử liên ngân hàng và cho vay bù đắp thiếu hụt vốn trong thanh toán bù trừ, lãi suất mua kỳ hạn giấy tờ có giá (lãi suất OMO) và lãi suất tín phiếu. Lãi suất OMO thường dao động trong khoảng từ lãi suất tái chiết khấu đến lãi suất tái cấp vốn và cũng là công cụ được NHNN ưu tiên sử dụng nhiều nhất cùng với lãi suất tín phiếu để điều tiết lãi suất trên liên ngân hàng. Trong các năm gần đây đã có sự thay đổi lớn về lãi suất và chính sách của NHNN.

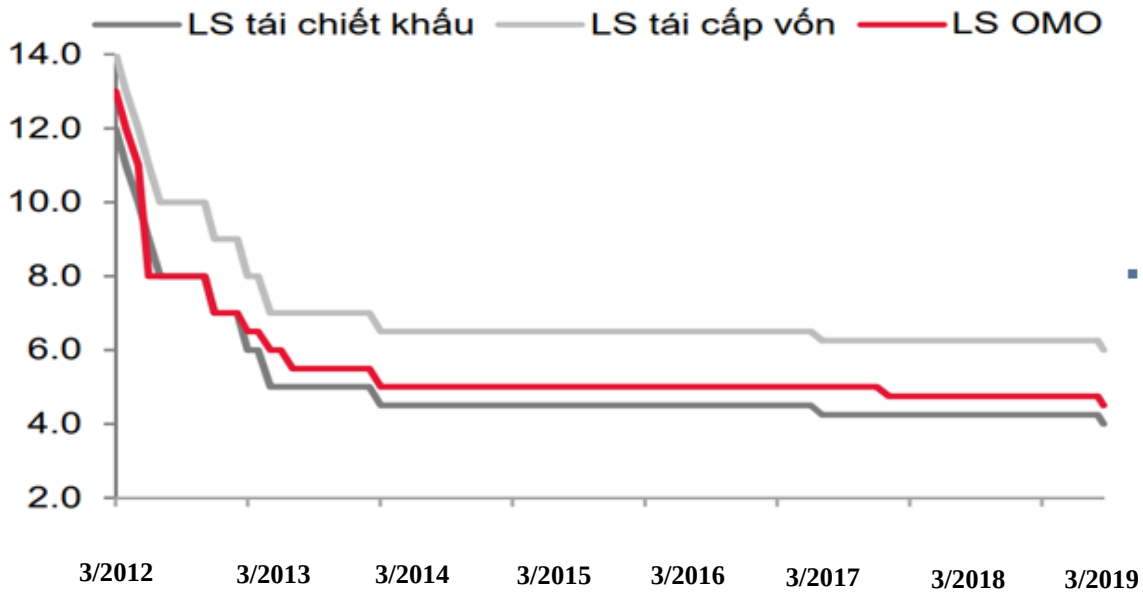

Biểu đồ 1: Diễn biến các mức lãi suất điều hành của SBV từ năm 2012 đến năm 2019.

Nguồn: Ngân hàng Nhà nước.

Các mức lãi suất có sự biến động trong giai đoạn từ năm 2012 đến năm 2019. Lãi suất này có ảnh hưởng đến lãi suất huy động và lãi suất cho vay của Vietinbank, do đó sẽ có tác động tới hoạt động kinh doanh của ngân hàng và toàn bộ nền kinh tế.

3.1.2.Về quy chế, tổ chức quản trị rủi ro lãi suất

Vietinbank xây dựng chính sách quản trị rủi ro lãi suất với mục tiêu nhằm hạn chế các tổn thất về thu nhập từ lãi cho ngân hàng, duy trì giá trị thị trường của vốn chủ sở hữu, tận dụng những biến động của lãi suất trên thị trường để tối đa hóa lợi nhuận trong hạn mức rủi ro được xác định.

Ngân hàng có quy chế tổ chức hoạt động trong lĩnh vực quản trị rủi ro lãi suất, quy định chức năng, nhiệm vụ của từng bộ phận trong ngân hàng, từ Hội đồng quản trị đến các phòng ban chuyên môn.

Từ năm 2013, Vietinbank đã áp dụng quy chế quản trị rủi ro lãi suất tương ứng với quy mô và hoạt động kinh doanh của ngân hàng. Với cơ chế này giúp ngân hàng giám sát, vận hành quản trị rủi ro lãi suất được hiệu quả.

Chính sách quản trị rủi ro lãi suất của Vietinbank thể hiện các quy định về vốn chủ sở hữu, tỷ lệ vốn chủ sở hữu/tổng tài sản theo Basel 2 để đảm bảo ngân hàng có đủ vốn trong trường hợp có tổn thất xảy ra.

Công tác quản trị rủi ro lãi suất của ngân hàng được thực hiện chuyên sâu, toàn diện, mang tính hệ thống và được phân chia trách nhiệm kiểm soát theo 3 vòng.

Kiểm soát vòng 1: Bộ phận quản lý cân đối vốn trực thuộc phòng Quản lý cân đối vốn và Kế hoạch tài chính, chịu trách nhiệm đầu mối phối hợp với phòng Đầu tư, các phòng Khách hàng tại Trụ sở chính, phòng Kinh doanh ngoại tệ, phòng Định chế tài chính, Sở giao dịch và các Chi nhánh chịu trách nhiệm là vòng kiểm soát đầu tiên thực hiện quản trị rủi ro lãi suất hàng ngày, bao gồm các công việc như nhận diện, đánh giá, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro lãi suất của Vietinbank.

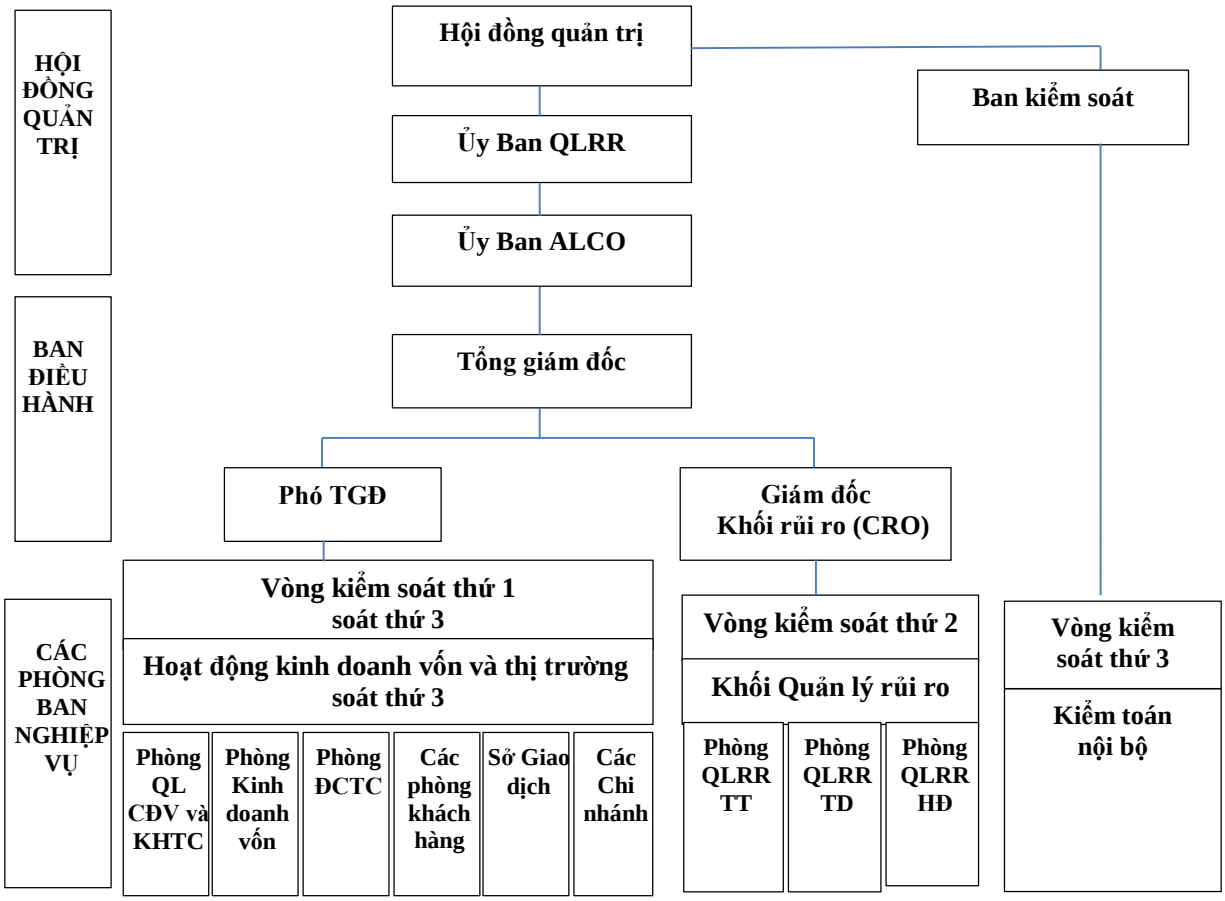

Hình 1: Mô hình quản trị rủi ro lãi suất của NHTM Cổ phần Công thương Việt Nam

Kiểm soát vòng 2: Phòng Quản lý rủi ro thị trường có trách nhiệm xây dựng hệ thống quy định, quy trình, hướng dẫn quản trị rủi ro lãi suất, thiết lập và rà soát hạn mức, giám sát và kiểm soát việc thực hiện quản trị rủi ro lãi suất của các đơn vị tại vòng 1, thực hiện báo cáo độc lập tình hình rủi ro lãi suất lên Ban lãnh đạo và đơn vị có liên quan. Phòng Quản lý rủi ro thị trường phối hợp chặt chẽ với các đơn vị vòng 1 đảm bảo mọi rủi ro phát sinh trong hoạt động kinh doanh hàng ngày của các đơn vị vòng 1 được nhận diện, đo lường, quản lý chặt chẽ, được báo cáo kịp thời đến các đơn vị có liên quan.

Kiểm soát vòng 3: Bộ phận kiểm toán nội bộ thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ theo quy định tại các đơn vị vòng 1, vòng 2 đảm bảo việc thực hiện quản trị rủi ro lãi suất được thực hiện đầy đủ và có hiệu quả ở hai vòng trên.

3.1.3.Thực trạng nhận biết rủi ro lãi suất tại NHTM cổ phần Công thương Việt Nam

Rủi ro lãi suất của Vietinbank có thể xuất phát từ hoạt động đầu tư, hoạt động huy động vốn và cho vay.

Danh mục các khoản đầu tư, cho vay và các tài sản khác nhạy cảm lãi suất của ngân hàng được cập nhật thường xuyên, liên tục và đánh giá rủi ro lãi suất định kỳ hoặc khi phát sinh tùy theo biến động của thị trường. Đảm bảo việc xác định, nhận diện rủi ro được thực hiện đa cấp từ bộ phận kinh doanh đến bộ phận chuyên trách về quản trị rủi ro và bộ phận kiểm tra, kiểm soát nội bộ. Các biến động của lãi suất thị trường thường xuyên được giám sát, cập nhật, phân tích và dự báo.

Những sản phẩm mới, hình thức đầu tư mới phải được đánh giá các yếu tố rủi ro lãi suất có thể xảy ra bởi bộ phận chuyên trách về quản trị rủi ro lãi suất và bộ phận thực hiện nghiệp vụ.

Sau khi nhận diện các dấu hiệu rủi ro lãi suất, ngân hàng phát hiện rủi ro sẽ tiến hành phân tích khả năng xảy ra rủi ro. Nếu rủi ro lãi suất có khả năng xảy ra, thì ngân hàng tiếp tục tiến hành đo lường rủi ro phát sinh.

3.1.4.Thực trạng đo lường rủi ro lãi suất

Khi đo lường rủi ro phát sinh, ngân hàng có thể kết hợp các phương pháp đo lường định tính và phương pháp đo lường định lượng. Kết quả của việc đo lường rủi ro phát sinh được ghi chép

đầy đủ, bao gồm các nội dung như: loại rủi ro, giá trị tổn thất, mức độ và phạm vi ảnh hưởng.

Căn cứ đo lường rủi ro lãi suất là: Cơ cấu tài sản-nợ của ngân hàng, chênh lệch kỳ hạn, lãi suất giữa nguồn vốn huy động, sản phẩm đầu tư và lãi suất thị trường, cơ chế lãi suất của tài sản, của nợ (là lãi suất cố định hay lãi suất thả nổi), độ nhạy cảm đối với biến động của lãi suất; Số liệu thống kê về mức lãi suất của các kỳ hạn, loại tiền; Chính sách điều hành lãi suất hiện hành của NHNN hoặc trong khu vực có ảnh hưởng trực tiếp tới Việt Nam; Dự báo các chỉ số kinh tế vĩ mô.

Về phương pháp đo lường rủi ro: Hiện nay, Vietinbank áp dụng mô hình định giá lại để đo lường rủi ro lãi suất. Đối với phương pháp này, ngân hàng phân tích mức thay đổi thu nhập ròng từ lãi, cho biết mức độ thay đổi thu nhập ròng từ lãi của ngân hàng trước các biến động lãi suất thị trường, thông qua việc phân tích khe hở nhạy cảm lãi suất.

Số liệu tại Bảng 1 mô tả cách đo lường rủi ro lãi suất bằng mô hình định giá lại tại thời điểm 31/12/2018 của Vietinbank. Giai đoạn năm 2017-2018 là giai đoạn khó khăn đối với nền kinh tế Việt Nam, do đó NHNN định hướng điều hành giảm lãi suất. Đây là giải pháp phù hợp với diễn biến của nền kinh tế, góp phần tích cực hỗ trợ tháo gỡ những khó khăn cho doanh nghiệp trong việc tiếp cận nguồn vốn tín dụng của ngân hàng. Với định hướng đó, Vietinbank đã liên tục giảm lãi suất huy động và cho vay.

Bảng 1: *Khe hở tài sản và nợ nhạy cảm lãi suất ngày 31/12/2018*

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Quá hạn	Không chịu lãi	Đến 1 tháng	Từ 1-3 tháng	Từ 3-6 tháng	Từ 6-12 tháng	Từ 1-5 năm	Trên 5 năm	Tổng
Tài sản có (ISA)	19.971.532	67.146.180	449.123.824	286.959.644	215.368.969	59.670.525	58.870.415	23.184.226	1.180.295.315
Tỷ trọng (%)	1,69	5,69	38,05	24,31	18,25	5,06	4,99	1,96	100
Tài sản nợ (ISL)	-	44.592.361	277.422.045	229.059.764	208.127.765	204.626.887	132.003.063	726.754	1.096.558.639
Tỷ trọng (%)	-	4,07	25,30	20,89	18,98	18,66	12,04	0,07	100
ISGAP	19.971.532	22.553.819	171.701.779	57.899.880	7.241.204	(144.956.362)	(73.132.648)	22.457.472	83.736.676
ISGAP cộng dồn	-	-	171.701.779	229.601.659	236.842.863	91.886.501	18.753.853	41.211.325	

Nguồn: Báo cáo thường niên năm 2018 của Vietinbank.

Đơn vị tính: triệu đồng

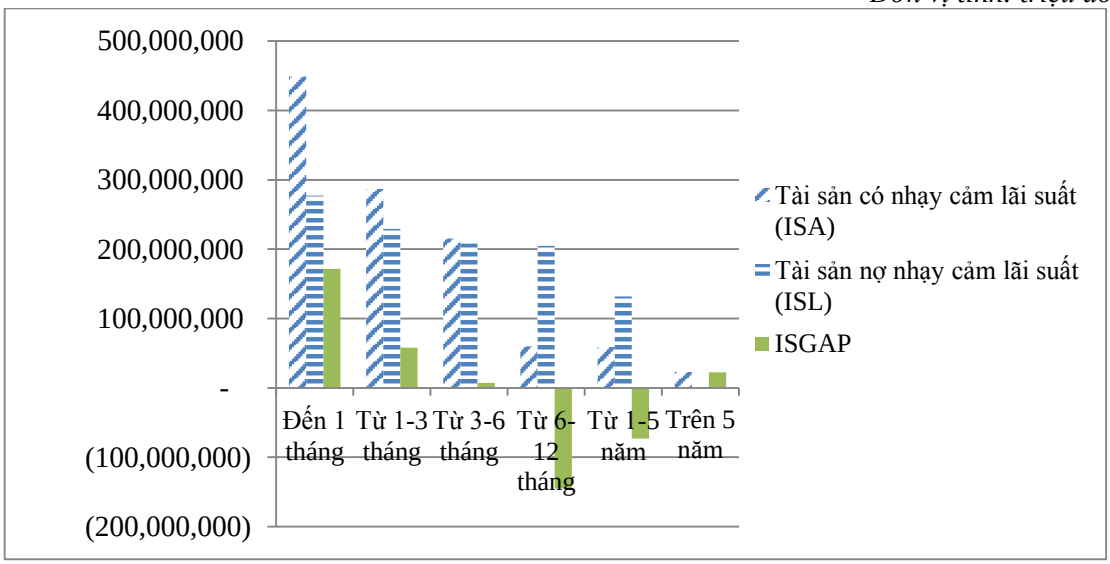

Biểu đồ 2: Trạng thái tài sản và nợ nhạy cảm với lãi suất, khe hở nhạy cảm lãi suất (31/12/2018)

Nguồn: Báo cáo thường niên năm 2018 của Vietinbank

Qua biểu đồ 2, ta thấy về tổng thể Vietinbank có khe hở nhạy cảm lãi suất tuyệt đối dương, do đó ngân hàng sẽ chịu rủi ro lãi suất khi lãi suất thị trường giảm và sẽ gia tăng lợi nhuận ròng nếu lãi suất thị trường tăng. Khe hở nhạy cảm lãi suất tập trung nhiều nhất tại kỳ hạn 1 tháng đạt 171.701.779 trđ. Kỳ hạn đến 1 tháng tiếp tục là kỳ nhạy cảm lãi suất sẽ có biến động mạnh nhất, ảnh hưởng lớn nhất đến lợi nhuận ròng của ngân hàng trong trường hợp lãi suất có các diễn biến bất lợi (mức tăng/giảm lợi nhuận ròng là +/- 1.717.017 trđ nếu biến động lãi suất +/-1%). Tại các kỳ hạn nhạy cảm đến 1 tháng, 1-3 tháng, 3-6 tháng và trên 5 năm, khe hở nhạy cảm lãi suất dương, do đó ngân hàng gặp bất lợi nếu lãi suất thị trường giảm, có lợi nếu lãi suất thị trường tăng; Tại các kỳ hạn nhạy cảm 6-12 tháng, 1-5 năm, khe hở nhạy cảm lãi suất âm, do đó ngân hàng gặp bất lợi nếu lãi suất thị trường tăng, có lợi nếu lãi suất thị trường giảm.

Với cơ cấu phân bổ tài sản có nhạy cảm lãi suất và tài sản nợ nhạy cảm lãi suất hiện tại, để phòng ngừa rủi ro cho ngân hàng, khuyến nghị tại một số kỳ hạn có khe hở nhạy cảm lãi suất lớn như sau: (i) Tại kỳ hạn có khe hở nhạy cảm lãi suất đến 1 tháng, từ 1-3 tháng, trên 5 năm có chênh lệch nhạy cảm lãi suất tại các kỳ hạn là lớn, với xu hướng lãi suất được dự đoán sẽ giảm trong giai đoạn tới, để giảm thiểu rủi ro lãi suất tiềm ẩn đối với ngân hàng, khuyến nghị xem xét giảm chênh lệch tại kỳ hạn này bằng cách giảm ISA (giá trị tài sản nhạy cảm lãi suất), tăng ISL (giá trị nợ nhạy cảm lãi suất) tại các kỳ hạn này. (ii) Tại kỳ hạn nhạy cảm lãi suất 6-12 tháng, 1-5 năm chênh lệch nhạy cảm lãi suất tại kỳ hạn này là khá lớn, khuyến nghị giảm chênh lệch tại khe hở nhạy cảm lãi suất để giảm thiểu rủi ro lãi suất tiềm ẩn đối với ngân hàng.

Đối với Vietinbank, năm 2018 lợi nhuận sau thuế chỉ đạt 5.416.429 trđ, giảm 2.042.473 trđ so với năm 2017. Một trong những nguyên nhân làm giảm lợi nhuận là do chênh lệch lãi suất không đạt như kỳ vọng. Năm 2018, Vietinbank thực hiện chủ trương của NHNN là điều chỉnh giảm lãi suất cho vay khiến cho chênh lệch lãi suất bình quân đầu vào - đầu ra của ngân hàng bị thu hẹp mặc dù huy động vốn và dư nợ cho vay đều tăng so với năm 2017 nhưng thu nhập thuần từ lãi giảm so với năm 2017.

3.1.5.Thực trạng kiểm soát rủi ro lãi suất

Tại Vietinbank, hoạt động kiểm soát rủi ro lãi suất được thực hiện thường xuyên và đồng bộ, có sự phối hợp với các bộ phận quản trị rủi ro lãi suất chuyên trách, bộ phận kinh doanh và các bộ phận khác có liên quan. Hoạt động này được tiến hành trong quá trình xây dựng sản phẩm mới hoặc thực hiện các hình thức đầu tư mới, các bộ phận thực hiện nghiệp vụ, bộ phận chuyên trách về quản trị rủi ro lãi suất phương án, quy trình kiểm soát rủi ro.

**** Kiểm soát chấp hành các hạn mức***

- Kiểm soát NIM, duy trì tỷ lệ thu nhập lãi cận biên

Mục tiêu của quản trị rủi ro lãi suất là đảm bảo thu nhập dự kiến ở mức tương đối ổn định với bất kỳ sự thay đổi của lãi suất. Đối với Vietinbank mục tiêu là duy trì tỷ lệ thu nhập lãi cận biên (NIM) ở mức ổn định.

NIM = [(Thu nhập từ lãi-Chi phí từ lãi)/Tổng tài sản Có sinh lời]*100

Khi chi phí huy động vốn tăng nhanh hơn lãi thu từ hoạt động cho vay và đầu tư hoặc lãi thu từ hoạt động cho vay và đầu tư giảm nhanh hơn chi phí huy động vốn thì NIM sẽ bị thu hẹp lại, rủi ro lãi suất xảy ra.

Đơn vị tính: %

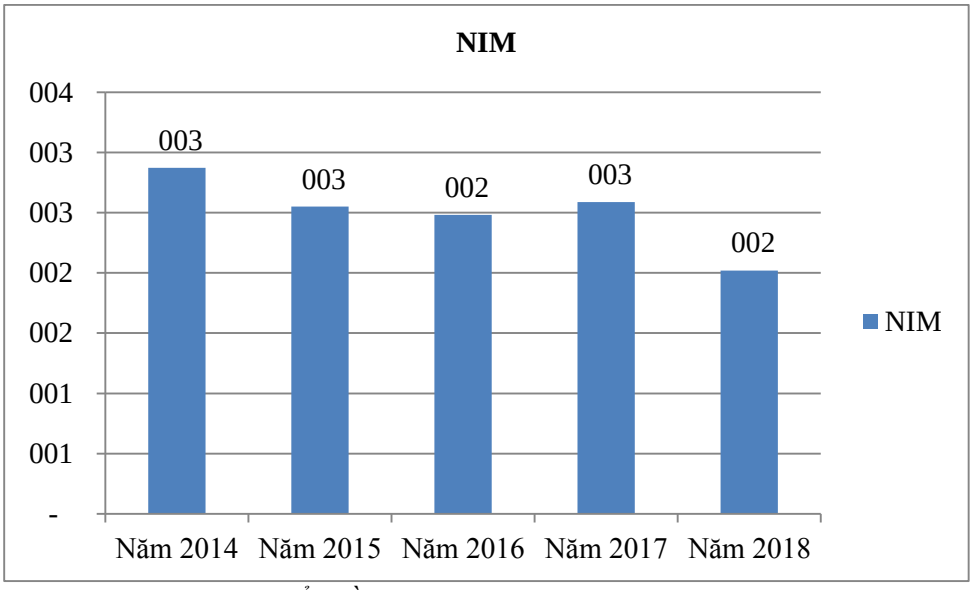

Biểu đồ 3: Tỷ lệ thu nhập lãi cận biên của Vietinbank

Nguồn: Báo cáo thường niên các năm 2014, 2015, 2016, 2017,2018 của Vietinbank

Qua biểu đồ 3, cho thấy tỷ lệ thu nhập lãi cận biên (NIM) trong giai đoạn từ năm 2014 đến năm 2018 có nhiều sự thay đổi, cao nhất là năm 2014 đạt 2,87% và thấp nhất là năm 2018 là 2,02%. Thu nhập thuần từ lãi chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu lợi nhuận của Vietinbank. Khi tốc độ tăng trưởng tín dụng của ngân hàng cao cộng với tỷ lệ thu nhập lãi cận biên cao sẽ góp phần tăng thêm hiệu quả hoạt động của Vietinbank trong giai đoạn 2014-2018.

- Kiểm soát khe hở nhạy cảm lãi suất

Để hạn chế tổn thất về giá trị của tài sản có và tài sản nợ của ngân hàng khi lãi suất thị trường có biến động. Vietinbank đã xây dựng và kiểm soát thực hiện hạn mức khe hở tài sản và nợ nhạy cảm lãi suất với các kỳ hạn như: Dưới 1 tháng, từ 1-3 tháng, từ 3-6 tháng, từ 6-12 tháng, từ 1-5 năm và trên 5 năm. Trên cơ sở những tính toán khe hở nhạy cảm lãi suất, ngân hàng điều chỉnh khe hở nhạy cảm lãi suất căn cứ vào những dự đoán về biến động của lãi suất thị trường.

Sử dụng các công cụ phái sinh

Hiện nay, NHNN đã chính thức cung cấp rộng rãi các công cụ phái sinh phòng ngừa rủi ro lãi suất. Tuy nhiên, việc áp dụng các công cụ này vẫn chưa được Vietinbank triển khai mạnh mẽ nên việc sử dụng biện pháp phòng ngừa rủi ro lãi suất bằng các công cụ phái sinh còn rất khiêm tốn.

3.2. Đánh giá về hoạt động quản trị rủi ro lãi suất tại NHTM cổ phần Công thương Việt Nam

3.2.1.Những kết quả đạt được

Thứ nhất, ngân hàng đã ban hành được chính sách quản trị rủi ro lãi suất, đây là cơ sở hành lang pháp lý giúp cho hoạt động quản trị rủi ro lãi suất của toàn ngân hàng đạt hiệu quả.

Thứ hai, mô hình tổ chức quản trị rủi ro lãi suất tại Vietinbank ngày càng được hoàn thiện. Từ năm 2013, ngân hàng đã có nhiều thay đổi trong mô hình quản trị rủi ro tuân theo thông lệ quốc tế về quản trị rủi ro hiện đại, ngân hàng thực hiện mô hình 3 vòng kiểm soát. Vietinbank đã thành lập Ủy ban quản lý rủi ro, Ủy ban ALCO, khối quản trị rủi ro để giám sát và quản trị các loại rủi ro trong kinh doanh. Bộ phận nghiên cứu thị trường và dự đoán về lãi suất đã phát huy tác dụng và có đóng góp vào hoạt động quản trị rủi ro lãi suất. Do vậy, khi lãi suất thị trường thay đổi đột biến thì Vietinbank đã chủ động thay đổi lãi suất phù hợp với tình hình thị trường, tạo điều kiện cho ngân hàng thu hút được khách hàng cũng như cạnh tranh trên thị trường. *Thứ ba*, ngân hàng chú trọng đến đo lường rủi ro lãi suất bằng việc áp dụng mô hình định giá lại, có hướng dẫn cụ thể từng bước thực hiện. *Thứ tư*, Vietinbank đã xây dựng hệ thống thông tin, báo cáo về hoạt động quản trị rủi ro lãi suất, giúp ngân hàng có cơ sở dữ liệu đầy đủ phục vụ yêu cầu quản lý toàn diện, hiệu quả trong quản trị nội bộ ngân hàng.

3.2.2. Những tồn tại trong hoạt động quản trị rủi ro lãi suất

Thứ nhất, phương pháp đo lường rủi ro lãi suất còn đơn giản, chưa xác định cụ thể được mức tổn thất. Hiện nay, Vietinbank sử dụng phương pháp định giá lại để đo lường rủi ro lãi suất, đây là phương pháp có nhiều nhược điểm. Phương pháp này mới chỉ biết được giá trị thu

nhập ròng sẽ thay đổi như thế nào khi lãi suất thay đổi, nhưng chưa chỉ ra tổn thất là bao nhiêu, do đó hiệu quả quản trị rủi ro lãi suất sẽ không cao. Ngân hàng mới chỉ dừng lại ở việc thay đổi hay tái cấu trúc cơ cấu tài sản và nợ hay xác định khuynh hướng rủi ro chứ chưa lượng hóa rủi ro như thế nào để tìm cách điều tiết thích hợp.

Thứ hai, việc sử dụng các công cụ và biện pháp quản trị còn hạn chế trong phòng ngừa rủi ro lãi suất. Ngân hàng chưa thực hiện toàn diện những biện pháp cần thiết để phòng ngừa rủi ro lãi suất. Cụ thể, Vietinbank chủ yếu áp dụng chính sách lãi suất thả nổi đối với cho vay trung và dài hạn, chưa sử dụng biện pháp tích cực để duy trì cân xứng về kỳ hạn giữa tài sản có và tài sản nợ. Ngoài ra, ngân hàng rất hạn chế sử dụng các công cụ phái sinh trên thị trường để phòng ngừa rủi ro lãi suất, vì do các NHTM cũng như thị trường tài chính ở Việt Nam chưa phát triển.

Thứ ba, công tác dự báo lãi suất còn nhiều hạn chế. Nguyên nhân cơ bản dẫn đến tồn tại này là do phương pháp và công tác dự báo lạc hậu, hệ thống dữ liệu thông tin phục vụ công tác dự báo không đầy đủ và đồng bộ. Vietinbank dự báo lãi suất chủ yếu dựa vào các dữ liệu lịch sử, thông tin về cung cầu vốn trên thị trường, phân tích đường cong lãi suất và nguồn phân tích từ các tổ chức chuyên nghiệp. Đối với những phương pháp dự báo dựa vào các mô hình đã được kiểm định bằng kỹ thuật thống kê kinh tế lượng để lượng hóa các quan hệ mang tính chất thống kê, toán học thì ngân hàng chưa sử dụng.

3.3. Giải pháp hoàn thiện hoạt động quản trị rủi ro lãi suất tại NHTM cổ phần Công thương Việt Nam

3.3.1. Áp dụng mô hình giá trị chịu rủi ro (VaR) nhằm lượng hóa rủi ro lãi suất

Mô hình giá trị chịu rủi ro (VaR) được sử dụng như là một công cụ đo lường định lượng hữu hiệu nhất hiện nay. Phần lớn các NHTM trên thế giới đều đang sử dụng mô hình VaR để xác định mức độ chịu rủi ro tối đa đối với hoạt động kinh doanh của ngân hàng, từ đó các ngân hàng có thể đưa ra các yêu cầu tối thiểu liên quan đến rủi ro lãi suất.

Mô hình VaR được xây dựng trên cơ sở lý thuyết xác suất, thống kê và được phát triển bởi các nhà khoa học và toán học tài chính. VaR được hiểu là số tiền tổn thất lớn nhất cho một danh mục đầu tư có thể bị thua lỗ với một mức độ tin cậy xác định thường là 95% hoặc 99%. VaR được chuẩn hóa quốc tế trong tiêu chuẩn Basel II cho các ngân hàng.

VaR có 4 phương pháp xác định, bao gồm: Phương pháp phương sai, hiệp phương sai; Phương pháp phân tích quá khứ; Phương pháp ma trận rủi ro; Phương pháp mô phỏng.

Vietinbank nên có kế hoạch triển khai ứng dụng các mô hình quản lý tiên tiến đối với các hoạt động kinh doanh của ngân hàng, trong đó có mô hình tính VaR đối với quản trị rủi ro lãi suất. Ban đầu, ngân hàng nên áp dụng phương pháp tính VaR cơ bản là phương pháp phân tích quá khứ. Nếu vận dụng phương pháp tính VaR này, ngân hàng nên đưa vào vòng kiểm soát thứ 2 trong Hình 1: Mô hình quản trị rủi ro lãi suất của Vietinbank.

3.3.2. Tăng cường sử dụng công cụ phái sinh vào phòng ngừa rủi ro lãi suất

Vietinbank đã đưa ra hướng dẫn sử dụng các nghiệp vụ phái sinh để phòng ngừa rủi ro lãi suất, nhưng việc áp dụng trong công tác phòng ngừa rủi ro lãi suất của ngân hàng còn rất hạn chế. Đây là giải pháp mà ngân hàng cần hoàn thiện trong hoạt động quản trị và phòng ngừa rủi ro lãi suất hiện nay.

Các sản phẩm phái sinh muốn được giao dịch trên thị trường cần được khách hàng nhận thức được tính hữu dụng và giá trị sử dụng của nó. Sản phẩm phái sinh chỉ có thể được sử dụng khi cả ba đối tượng khách hàng, nhà phát hành và nhà hoạch định chính sách nhận thức được tầm quan trọng của sản phẩm đó. Xây dựng nhận thức là một quá trình dài, cần phối hợp tuyên truyền, hội thảo, giáo dục-đào tạo cho đến tiếp thị, quảng bá về sản phẩm.

3.3.3.Nghiên cứu, dự báo biến động lãi suất

`Việc nghiên cứu, dự báo biến động lãi suất chưa được quan tâm đúng mức, chủ yếu nghiên cứu đánh giá số liệu quá khứ để đo lường những thiệt hại mà ngân hàng gặp phải. Khi lãi suất có nhiều biến động, ngân hàng cần tính được mức độ biến động của lãi suất và thiệt hại mà ngân hàng sẽ phải gánh chịu từ việc thay đổi lãi suất, từ đó giúp cho ngân hàng lựa chọn được biện pháp để phòng ngừa rủi ro lãi suất hiệu quả.

Ngân hàng nên xây dựng dự báo ngắn hạn, trung hạn và dài hạn biến động lãi suất bằng các phương pháp (phương pháp chuyên gia, phương pháp hồi quy và dựa vào dãy số thời gian) để kịp thời điều chỉnh và phòng ngừa rủi ro lãi suất. Sau khi dự báo biến động lãi suất, ngân hàng nên lập quỹ dự phòng rủi ro lãi suất. Hàng quý, ngân hàng nên có kế hoạch trích lập dự phòng rủi ro theo quy định của NHNN để xử lý kịp thời khi rủi ro lãi suất xảy ra, đảm bảo cho quá trình hoạt động kinh doanh của ngân hàng được diễn ra bình thường và liên tục.

Ngân hàng phải nâng cao chất lượng các công cụ đo lường rủi ro và tiếp tục áp dụng các công cụ đo lường rủi ro mới hiện đại. Nâng cao khả năng dự báo và thực hiện tốt vai trò tư vấn về lãi suất cho vay đối với khách hàng để giúp phòng ngừa và hạn chế rủi ro cho khách hàng và cho cả ngân hàng.

4. Kết luận

Với những cải cách về tổ chức, quản lý, công nghệ, Vietinbank đã đạt được nhiều thành tựu vượt bậc trong hoạt động kinh doanh. Tuy nhiên, với những bất lợi về tình hình kinh tế vĩ mô và sự ra đời của nhiều sản phẩm mới gần đây, ngân hàng đã phải đối mặt và chịu không ít tổn thất do rủi ro lãi suất gây nên. Trên cơ sở vận dụng tổng hợp các phương pháp nghiên cứu, tác giả đã tập trung nghiên cứu và thực hiện được các mục tiêu như: Làm rõ luận cứ khoa học về rủi ro lãi suất và quản trị rủi ro lãi suất của NHTM; Phân tích thực trạng quản trị rủi ro lãi suất theo quy trình tại Vietinbank giai đoạn 2014-2018, từ đó đưa ra đánh giá thực trạng quản trị rủi ro lãi suất của Vietinbank, chỉ ra những kết quả đạt được, những hạn chế trong quản trị rủi ro lãi suất; Trên cơ sở phân tích, đánh giá thực trạng quản trị rủi ro lãi suất của ngân hàng, bài viết đưa ra những giải pháp hoàn thiện hoạt động quản trị rủi ro lãi suất của Vietinbank trong thời gian tới.

Đây là sản phẩm khoa học của đề tài NCKH sinh viên mã số SV2019-BA-06

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]. Basel Committee on Banking Supervision. (2001). *Principles for the Management and Supervision of Interest Rate Risk.* Bank for International Settlements.

[2]. Joel Bessis. (2012). *Quản trị rủi ro trong ngân hàng*. Hồ Chí Minh: Nhà xuất bản Lao động Xã hội.

[3]. Đỗ Thị Kim Hảo. (2005). Giải pháp quản lý rủi ro lãi suất tại Ngân hàng nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam. *Luận án, Kinh* tế. Học viện Ngân hàng, Hà Nội.

[4]. Peter S. Rose. (2004). *Quản trị ngân hàng thương mại*. Hà Nội: Nhà xuất bản Tài chính, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.

[5]. Tạ Ngọc Sơn. (2010). Quản lý rủi ro lãi suất trong hoạt động kinh doanh của Ngân hàng thương mại Việt Nam. *Luận án, Kinh tế.* Trường Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội.

[6]. Nguyễn Văn Tiến. (2012). *Quản trị rủi ro trong kinh doanh ngân hàng*. Hà Nội, Nhà xuất bản Thống kê.

[7]. Timothy W.Koch. (2003). *Bank management*. Cincinnati, Ohio:South-Western.

[8].Vietinbank. Báo cáo thường niên các năm 2014, 2015, 2016, 2017, 2018.

Thông tin tác giả:

1. Hà Thị Thanh Nga

- Đơn vị công tác: Trường ĐH Kinh tế & QTKD
- Địa chỉ email: *hathithanhnga@tueba.edu.vn*

2. Nguyễn Quế Anh

- Đơn vị công tác: Lớp K13 - TCDN -Trường ĐH Kinh tế & QTKD

Ngày nhận bài: 03/03/2020
Ngày nhận bản sửa: 10/3/2020
Ngày duyệt đăng: 29/3/2020